

Số: 2647 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách nhà nước năm 2014

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội khoá XIII số 57/2013/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2013 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2014; số 61/2013/QH13 ngày 15 tháng 11 năm 2013 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2337/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 10256/TTr-BKHĐT ngày 23 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2014 và danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2014 theo các Phụ lục đính kèm, bao gồm cả thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch.

Điều 2.

1. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2014:

a) Tổng mức vốn bù lãi suất tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách; chi bổ sung dự trữ nhà nước.

b) Giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước tổng số vốn: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án phân theo từng ngành, lĩnh vực, đầu tư theo từng mục tiêu nhiệm vụ và mức vốn từng dự án cụ thể.

c) Giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng số vốn bổ sung có mục tiêu theo từng chương trình và mức vốn từng dự án cụ thể. Riêng các dự án thuộc các chương trình: Tái định cư thủy điện Hòa Bình, Tuyên Quang, Sơn La; đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung (Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2003), Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia (Quyết định số 160/2007/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2007), Chương trình hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số (Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2013), Chương trình bố trí dân cư (Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012), Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững:

- Các dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên: Giao danh mục dự án và mức vốn từng dự án.

- Các dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng: Giao số lượng dự án và tổng số vốn theo đề nghị của địa phương.

d) Số vốn thu hồi các khoản vốn ứng trước của từng dự án theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn và bổ sung kinh phí phát sinh thêm do chênh lệch tỷ giá thực tế với tỷ giá tính dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 của các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, nhà ở của các cơ quan của Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 3. Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước và danh mục, mức vốn các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương năm 2014 được giao tại Quyết định này và Quyết định giao kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Phân bổ vốn bù lãi suất tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách; chi bổ sung dự trữ nhà nước quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 2 Quyết định này gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 01 năm 2014.

2. Thông báo cho các đơn vị danh mục và mức vốn từng dự án quy định tại Điểm b, c, Khoản 1, Điều 2 Quyết định này gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 01 năm 2014.

3. Hoàn trả các khoản vốn ứng trước theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 2 Quyết định theo kết quả giải ngân của từng dự án đến hết thời gian quy định.

4. Định kỳ hàng quý gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2014 về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Điều 4.

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án.

b) Chủ trì kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm các nguồn vốn ngân sách nhà nước của các Bộ, ngành, vốn cân đối ngân sách địa phương và vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho địa phương và các nguồn vốn có tính chất ngân sách khác.

c) Định kỳ hàng quý báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

2. Bộ Tài chính định kỳ hàng quý báo cáo Chính phủ tình hình giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

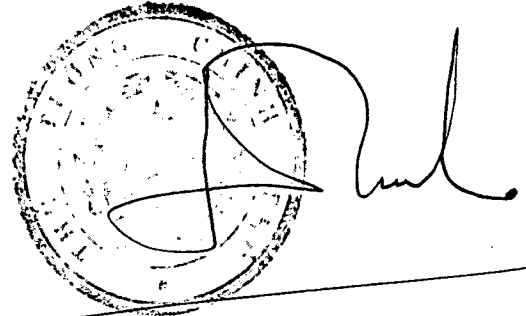
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Đoàn đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). M 05

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Thành phố Hà Nội

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2014
(Kèm theo Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2014
	TỔNG SỐ	18.698.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	18.389.000
1	Đầu tư trong cân đối	18.015.000
	Trong đó:	
	- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	7.000.000
	- Hỗ trợ doanh nghiệp công ích	15.000
	- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	11.000.000

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2014
2	Đầu tư theo các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể	374.000
(1)	Các chương trình mục tiêu quốc gia	1.000
(2)	Chương trình bổ sung có mục tiêu từ NSTW	373.000
	- Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng	373.000 ¹
	<i>Trong đó: Hỗ trợ các dự án ký túc xá sinh viên không có trong danh mục Nghị quyết số 881/NQ-UBTVQH12 theo văn bản số 1385/TTg-KTTH ngày 03/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ</i>	74.920
II	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	309.000²
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả	78.200 ³

Ghi chú:¹ Thu hồi số vốn ứng trước tại văn bản số 6877/VPCP-KTTH ngày 27/11/2007 của Văn phòng Chính phủ theo số giải ngân đến hết thời hạn ứng trước

² Kế hoạch vốn ngoài nước thực hiện theo thực tế giải ngân

³ Trong đó: Thu hồi 18.200 triệu đồng vốn ứng trước theo văn bản số 871/TTg-KTTH ngày 17/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ



Thành phố Hà Nội

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TUYÊN BỐ SUNG CÓ MỤC TIÊU NSTW KẾ HOẠCH NĂM 2014

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 2617/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
	NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác					
I	Chương trình hỗ trợ phát triển KT-XH vùng			4.430.321	2.796.473	1.633.848	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2013			3.597.754	2.012.900	1.584.854	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
					NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	
	Dự án nhóm A			3.597.754	2.012.900	1.584.854	
1	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu - Giai đoạn 1	2005-2011	398/QĐ-UB 14/01/2005	3.597.754	2.012.900	1.584.854	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014			237.149	228.326	8.823	
	Dự án nhóm B			237.149	228.326	8.823	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xã hội Khu tái định cư Trường bắn Đồng Doi, xã Yên Bài, huyện Ba Vì	2009-	5592/QĐ- UBND 30/10/2009	179.629	179.629		

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
					NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	
2	Dự án nhà ở sinh viên Đại học Ngoại Thương	2009-2013	QĐ số 1521/QĐ- UBND ngày 05.04.2010	34.604	28.153	6.451	
3	Dự án nhà ở sinh viên Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt - Hưng cơ sở II (nay là Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hưng)	2009-2011	1938/ QĐ- UBND ngày 28/4/2010	22.916	20.544	2.372	
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2014			199.648	164.477	35.171	
	Dự án nhóm B			199.648	164.477	35.171	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
					NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	
1	Dự án Nhà ở sinh viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.	2009-2014	2135/QĐ- UBND ngày 13/4/2010	104.240	85.496	18.744	
2	Dự án nhà ở sinh viên Đại học Sư phạm	2009-2014	6525/QĐ- UBND ngày 14/12/2009	95.408	78.981	16.427	
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2014			395.770	390.770	5.000	
	<i>Dự án nhóm B</i>			395.770	390.770	5.000	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
			NSTW		NSDP và các nguồn vốn khác		
1	Nâng cấp tuyến kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh T1 huyện Đan Phượng	2014-2018	6558/QĐ- UBND 30/10/2013	395.770	390.770	5.000	



Thành phố Hà Nội

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀI VỐN ODA (VAY, VIỆN TRỢ) KẾ HOẠCH NĂM 2014

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 2617/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
			Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt			
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2013			3.479.887	1.987.032	1.987.032		1.492.855	
<i>a</i>	<i>Dự án nhóm A</i>			<i>3.479.887</i>	<i>1.987.032</i>	<i>1.987.032</i>		<i>1.492.855</i>	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
	Dự án Phát triển hạ tầng GTĐT Hà Nội giai đoạn I	1999-2013	395/CP-CN 26/4/2000; 5996/QĐ-UBND 27/12/2011	3.479.887	1.987.032	1.987.032	12,51 tỉ Yên	1.492.855	
II	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014			635.377	142.153	142.153		493.224	
<i>a</i>	<i>Dự án nhóm B</i>			<i>612.237</i>	<i>140.049</i>	<i>140.049</i>		<i>472.188</i>	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
1	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải công nghiệp để phát điện	2013-2014	1837/QĐ-UBND 25/2/2013	612.237	140.049	140049	1,7 tỉ Yên	472.188	
<i>b</i>	<i>Dự án nhóm C</i>			<i>23.140</i>	<i>2.104</i>	<i>2.104</i>		<i>21.036</i>	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
1	Hỗ trợ kỹ thuật tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	2012-2014	2942/QĐ-UBND 28/6/2012; 2205/QĐ-TTg ngày 13/11/2013	23.140	2.104	2.104	1 triệu USD	21.036	
II	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2014			89.171.296	24.587.072	24.587.072		64.584.224	
<i>a</i>	<i>Dự án nhóm A</i>			<i>88.015.756</i>	<i>23.987.572</i>	<i>23.987.572</i>		<i>64.028.184</i>	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
1	Dự án Thoát nước Hà Nội - dự án II	2007-2015	2304/QĐ-UBND ngày 12/6/08, 2940/QĐ-UBND ngày 28/6/2012	9.012.933	3.762.833	3.762.833	32,3 tỉ Yên	5.250.100	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
2	Dự án Phát triển GTĐT Hà Nội	2007-2013	1837/QĐ-UBND 10/5/07, 1821/QĐ-UBND 22/2/2013	10.243.965	6.875.645	6.875.645	101,8 triệu SDR và 9,8 triệu USD	3.368.320	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
3	Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị TP Hà Nội đoạn Nhỏ - Ga Hà Nội	2008-2011	1970/QĐ-UBND 27/4/09, 5456/QĐ-UBND 2/11/2010, 4007/QĐ-UBND 28/6/2013	32.910.094	7.726.372	7.726.372	899,68 triệu Euro (đã ký 653 triệu)	25.183.722	
4	Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo.	2009-2017	2054/QĐ-UBND 13/11/08	19.555.000	3.079.000	3.079.000	110,448 tỉ Yên	16.476.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Ghi chú	
			Số quyết định	TMĐT					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
	Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt					
5	Tuyến đường sắt đô thị TPHN tuyến 2, đoạn Trần Hưng Đạo - Thượng Đình (chuẩn bị đầu tư)	2008-2014	2166/QĐ-UBND 3/6/08; 2322/QĐ-UBND 25/5/2010	9.320	9.320	9.320			

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Ghi chú	
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
6	Xây dựng hệ thống thoát nước lưu vực sông Nhuệ (chuẩn bị đầu tư)	2013-2014	5676/UBN D-KHĐT 23/7/2012; 2229/UBN D-KHĐT ngày 28/3/2013	41.000			250 triệu Yên	41.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
7	Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	2014-2020	7051/QĐ-UBND ngày 20/11/2013	16.243.444	2.534.402	2534402	56 tỉ Yên	13.709.042	
<i>b</i>	<i>Dự án nhóm B</i>			<i>1.050.729</i>	<i>573.709</i>	<i>573.709</i>		<i>477.020</i>	
1	Dự án xây dựng và cải tạo 3 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2 khu vực phía Tây Hà Nội	2012-2015	4956/QĐ-UBND ngày 26/10/2011	618.783	317.949	317.949	10,6 triệu Eur	300.834	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
2	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc TP Hà Nội	2008-2015	718/QĐ-UBND 12/9/08	342.760	243.760	243.760	6 triệu USD	99.000	
3	Hợp phần Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây thuộc dự án Phát triển Bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn II	2013-2016	4472/QĐ-UBND ngày 26/7/2013	89.186	12.000	12000	339,6 triệu Yên	77.186	
<i>c</i>	<i>Dự án nhóm C</i>			<i>104.811</i>	<i>25.791</i>	<i>25.791</i>		<i>79.020</i>	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
1	Cải thiện vận tải hành khách công cộng tại Hà Nội	2012-2015	3954/QĐ-UBND 7/9/2012; 4631/QĐ-UBND 5/8/2013	74.427	23.347	23.347	1,83 triệu Euro	51.080	
2	Dự án hỗ trợ kỹ thuật Hoà hợp môi trường và đô thị cho Tuyến đường sắt Nhôn - Ga Hà Nội.	2007-2015	472/QĐ-UBND 25/01/08	30.384	2.444	2.444	1,7 triệu USD	27.940	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
III	Các dự án khởi công mới năm 2014			7.448.822	1.305.248	1.305.248		6.143.574	
a	Dự án nhóm A			6.564.153	1.153.593	1.153.593		5.410.560	
1	Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước trực đường Láng – Hoà Lạc (phạm vi Thành phố Hà Nội) sử dụng nước sạch sông Đà	2013-2018	3958/QĐ-UBND ngày 7/9/2013	5.268.153	492.633	492.633	230 tr USD	4.775.520	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
2	Thu gom và xử lý nước thải đô thị tại khu vực quận Hà Đông và thị xã Sơn Tây - Hà Nội (chuẩn bị đầu tư)	2012-2014	9477/UBND-KHĐT ngày 22/11/2010 ; 7141/UBND-QHXDGT ngày 14/9/2012	1.296.000	660.960	660.960		635.040	
<i>b</i>	<i>Dự án nhóm C</i>			884.669	151.655	151.655		733.014	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
1	HTKT Tăng cường năng lực Cơ quan quản lý ĐSĐT Hà Nội và Thành lập Công ty vận hành bảo dưỡng các tuyến ĐSĐT trên địa bàn TP Hà Nội	2013-2015	1971/QĐ-UBND ngày 4/3/2013	70.938	8.603	8.603		62.335	
2	Dự án HTKT lập báo cáo nghiên cứu khả thi tuyến đường sắt đô thị TPHN, đoạn Ga Hà Nội - Hoàng Mai (CBĐT)	2013-2015	348/TTg-QHQT 6/3/2009; 567-TB/TU 14/8/2013	71.672	40.052	40.052	1,5 triệu USD	31.620	

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT				
					Trong đó:				
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		
Tổng số	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
IV	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng - Thành phố Hà Nội	2013-2017	TMĐT là dự kiến	742.059	103.000	103000	30,577 triệu USD	639.059	